

Số: 1788 /TB-TTBVTV

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 11 năm 2019

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY
(Từ ngày 14/11/2019 đến ngày 20/11/2019)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Tuần qua, thời tiết các nơi trong tỉnh ngày nắng gián đoạn, chiều và tối có mưa nhiều nơi, gió hướng Bắc - Đông Bắc, tốc độ gió 3 - 4 m/s.

Thời tiết	Nhiệt độ ($^{\circ}C$)			Âm độ (%)			Tổng số giờ nắng (giờ)	Lượng mưa (mm)
	TB	Tối cao	Tối thấp	TB	Tối cao	Tối thấp		
Trong tuần	27,1	31,5	24,3	81,4	86,0	73,0	53,4	1,4
Dự báo tuần tới	26,5	33,0	23,0	80,0			45,0	10,0

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

2.1. Cây lúa

❖ **Vụ Thu Đông 2019:** Xuống giống 118.649 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Đẻ nhánh: 260 ha; - Làm đòng: 5.513 ha; - Trỗ chín: 22.126 ha;
- Thu hoạch: 90.749 ha, năng suất bình quân 5,60 tấn/ha.

❖ **Vụ Đông Xuân 2019-2020:** Xuống giống 119.311 ha, lúa đang ở các giai đoạn:

- Mạ: 60.183 ha; - Đẻ nhánh: 43.398 ha; - Làm đòng: 15.730 ha.

2.2. Hoa màu

❖ **Hoa màu Thu Đông 2019:** Thu hoạch 5.388,9 ha/7.208,1 ha diện tích xuống giống (Phụ lục 1).

❖ **Hoa màu Đông Xuân 2019 - 2020:** Xuống giống 3.299,8 ha (Phụ lục 2).

* **Ghi chú:** Số liệu hoa màu trong tuần được ghi nhận 05/12 huyện, thành phố báo cáo, gồm các huyện: Hồng Ngự, Thanh Bình, Cao Lãnh, Lai Vung và Tp. Cao Lãnh.

2.3. Cây ăn trái

Diện tích trồng cây lâu năm 29.873,8 ha, trong đó ăn trái là 29.220 ha, tập trung chủ yếu ở các huyện Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Lấp Vò, Tháp Mười, Tp. Cao Lãnh và Tp. Sa Đéc (*Phụ lục 3*).

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI 7 NGÀY

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 60 ha trên lúa giai đoạn làm đòng, trong đó nhiễm trung bình 10 ha mật số sâu 40 - 50 con/m², còn lại nhiễm nhẹ, tăng 30 ha so với tuần trước.

- Bệnh đạo ôn lá: Diện tích nhiễm nhẹ 300 ha trên lúa giai đoạn đẻ nhánh, tỷ lệ bệnh 5 - 10%, tăng 100 ha so với tuần trước.

- Bệnh cháy bìa lá: Diện tích nhiễm 270 ha trên lúa giai đoạn trổ chín, trong đó nhiễm nặng 20 ha với tỷ lệ bệnh 41 - 50%, nhiễm trung bình 50 ha, còn lại nhiễm nhẹ, tăng 120 ha so với tuần trước.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Bọ trĩ, chuột, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt,... xuất hiện rải rác hoặc gây hại ở mức nhẹ.

2. Hoa màu

Sâu tơ, bọ hà, bệnh sương mai,... xuất hiện rải rác. Riêng đối tượng sâu keo mùa thu hại bắp chưa phát hiện diện tích nhiễm mới.

3. Cây ăn trái

- Cây có múi: Nhện, bệnh ghẻ nám, loét gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Bệnh chổi rồng trên nhãn: Diện tích nhiễm 405 ha, trong đó nhiễm trung bình 72 ha với tỷ lệ bệnh 20 - 30%, còn lại nhiễm nhẹ.

- Cây xoài: Bọ trĩ, rầy bông xoài gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

4. Hoa kiểng

Bệnh héo xanh vi khuẩn trên hoa cúc, bọ trĩ, nhện đỏ trên hoa hồng gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

* **Ghi chú:** Số liệu tình hình sinh vật gây hại cây trồng được ghi nhận 08/12 huyện, thành phố báo cáo và nhập số liệu trên phần mềm PPDMS 2.0, gồm các huyện: Tân Hồng, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Châu Thành, Lai Vung, Tp. Cao Lãnh và Tp. Sa Đéc.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI

1. Trên cây lúa

- Rầy nâu: Rầy tuổi 5 - trưởng thành tiếp tục phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn cuối đẻ nhánh - đòng trổ.

- Sâu cuốn lá: Tiếp tục gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm lúc đầu vụ có khả năng bị hại nặng.

- Bệnh đạo ôn lá, cháy bìa lá: Diện tích và mức nhiễm có thể gia tăng do điều kiện thời tiết và giai đoạn lúa thích hợp cho bệnh phát sinh phát triển. Cục bộ có diện tích nhiễm nặng ở những ruộng trồng giống nhiễm như IR 50404, OM 4218, Jasmine 85, VD 20, nếp,... sạ dày, bón thừa phân đạm.

Ngoài ra các đối tượng khác như: Chuột, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

2. Trên hoa màu, cây ăn trái và hoa kiểng

- Hoa màu: Sâu ăn tạp, sâu đục trái, sâu đục thân, bọ trĩ, bệnh thán thư, bệnh đốm lá,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Cây ăn trái: Sâu đục cành, bệnh thán thư, cháy lá, bệnh loét, bệnh vàng lá thối rễ,... xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

- Hoa kiểng: Bệnh đốm đen, đốm lá vi khuẩn trên hoa hồng và hoa cúc xuất hiện và gây hại chủ yếu ở mức nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ

- Những khu vực xuống giống lúa Đông Xuân 2019 – 2020 trong đợt 2 từ ngày **19/11 - 29/11/2019 (23/10 – 04/11/2019 âl)** cần vệ sinh kỹ đồng ruộng, tu sửa đê bao, cống đập, đặc biệt là theo dõi chặt chẽ tình hình rầy vào đền, thời tiết, chủ động phương tiện, điều kiện thoát nước tốt,... để bảo đảm xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy hiệu quả trên từng ô bao, cánh đồng nhằm hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của rầy nâu và bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá.

- Áp dụng tốt các giải pháp kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, bón vùi phân bón theo tỷ lệ 100% DAP, 50% Kali trước khi trực trạc đất lần cuối, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM),... giúp lúa sinh trưởng và phát triển tốt, hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của các đối tượng dịch hại, góp phần giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận.

- Kiểm tra, phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để áp dụng các biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả. Có thể phun thuốc ngừa bệnh đạo ôn cổ bông, lem lép hạt khi lúa trổ lẹt xẹt và trổ đều. Tuân thủ tốt nguyên tắc 4 đúng khi phun thuốc.

- Không phun thuốc trừ sâu bệnh, thuốc kích thích sinh trưởng cho lúa ít nhất 20 ngày trước thu hoạch nhằm bảo đảm thời gian cách ly, an toàn thực phẩm; thu gom bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng để hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Đề nghị Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thị, thành phố phân công cán bộ kỹ thuật phối hợp với địa phương tiếp tục điều tra, phát hiện sâu keo mùa thu hại bắp (quan sát kỹ giai đoạn cây bắp có từ 3-9 lá) đồng thời chú ý trên các loại cây trồng khác (lúa, rau màu); theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất,

sâu bệnh và báo cáo định kỳ hàng tuần về Chi cục Trồng trọt và BVTV đúng theo quy định (địa chỉ mail: phongkythuat.ccttbvtvdongthap@gmail.com).

Nơi nhận:

- Cục BVTV (HN & VP tại TP. HCM);
- TT.BVTV Phía Nam (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm DVNN&NSNT (nhờ chuyển các Hội quán);
- Chi cục PTNT (nhờ chuyển các HTX);
- Phòng NN & PTNT, Phòng kinh tế;
- Trung tâm DVNN các huyện, thị, Tp;
- Phòng PA 81;
- Báo đài;
- Lưu: VT, P. KT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Lê Văn Chấn

PHỤ LỤC

1. Hoa màu vụ Thu Đông 2019

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
I/ Cây lương thực		973,0	961,5
1	Bắp ăn tươi	853,0	841,5
2	Bắp dùng làm TAGS	120,0	120,0
II/ Cây chất bột có củ		900,9	255,9
1	Ấu	143,2	125,2
2	Khoai lang	665,0	54,0
3	Khoai môn	87,7	71,7
4	Củ sắn	5,0	5,0
III/ Rau các loại		4.069,6	3.355,5
1	Dưa leo	128,6	105,6
2	Rau muống	124,0	119,0
3	Dưa hấu	296,2	185,2
4	Bầu, bí, mướp	224,0	214,5
5	Khổ qua	31,8	29,3
6	Cà chua	1,2	1,2
7	Hành	224,0	224,0
8	Ớt	712,7	590,7
9	Nấm rơm	150,3	40,1
10	Bắp non	160,2	160,0
11	Củ cải trắng	98,5	73,0
12	Bắp cải	2,0	2,0
13	Kiệu	44,0	26,0
14	Hoa màu khác	1.872,2	1.585,0
IV/ Đậu các loại		68,2	35,2
1	Đậu xanh	30,7	21,2
2	Đậu khác	37,5	14,0
V/ Cây công nghiệp		18,3	12,3
1	Đậu nành	4,0	0,0
2	Đậu phộng	2,0	2,0
3	Mè	8,2	6,2
4	Bó	4,1	4,1
VI/ Cây hàng năm		1.178,1	768,5
1	Hoa kiếng	539,4	367,8
2	Sen	405,2	338,2
3	Mồng toi lấy hạt	50,5	50,5
4	Cây làm TAGS	183,0	12,0
Tổng cộng		7.208,1	5.388,9

2. Hoa màu vụ Đông Xuân 2019 - 2020

TT	Huyện	Diện tích xuống giống (ha)	Ngày sau trồng
I/ Cây lương thực		175,8	
1	Bắp ăn tươi	165,8	17 - 21
2	Bắp dùng làm TAGS	10,0	3 - 7
II/ Cây chất có bột có củ		244,5	
1	Khoai môn	174,5	3 - 7
2	Củ sắn	70,0	3 - 7
II/ Rau các loại		1.564,0	
1	Dưa leo	7,9	17 - 21
2	Rau muống	60,0	3 - 7
3	Dưa hấu	170,1	17 - 21
4	Bầu, bí, mướp	69,7	17 - 21
5	Khổ qua	0,4	3 - 7
6	Hành	150,0	3 - 7
7	Ớt	685,5	17 - 21
8	Bắp non	40,0	3 - 7
9	Củ cải trắng	65,2	3 - 7
10	Hoa màu khác	315,2	17 - 21
III/ Đậu các loại		27,0	
1	Đậu xanh	27,0	17 - 21
IV/ Cây hàng năm		1.288,5	
1	Sen	276,8	17 - 21
2	Rau muống LH	265,0	3 - 7
3	Rau dền LH	55,7	3 - 7
Tổng cộng		3.299,8	-

3. Cây ăn trái

TT	Chủng loại	Diện tích (ha)
1	Xoài	9.664,5
	<i>Xoài Cát hòa lộc</i>	2.055,6
	<i>Xoài Cát chu</i>	4.297,7
	<i>Xoài Tượng da xanh</i>	1.706,2
	<i>Xoài khác</i>	1.604,9
2	Nhãn	4.761,7
	<i>Nhãn Long</i>	103,4
	<i>Nhãn Tiêu da bò</i>	1.877,2
	<i>Nhãn Châu Thành</i>	2.611,6

	<i>Nhãn xuông</i>	27,2
	<i>Nhãn khác</i>	142,3
3	Quýt	3.298,3
	<i>Quýt Hồng</i>	873,1
	<i>Quýt Đường</i>	2.423,1
	<i>Quýt khác</i>	2,0
4	Cam	2.737,3
	<i>Cam soàn</i>	1.183,6
	<i>Cam sành</i>	623,4
	<i>Cam mật, Cam dây</i>	874,6
	<i>Cam khác</i>	55,7
5	Chanh	1.707,3
6	Bưởi	334,6
7	Ổi	1.198,8
8	Dừa	654,0
9	Mít	583,0
10	Thanh long	119,6
11	Cây ăn trái khác	2.676,2
12	Vườn tạp	2.138,7
Tổng cộng		29.873,8

Ngày in : 19/11/2019 6:05:35 PM

ĐƠN VỊ: ĐỒNG THÁP

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tuần 47 năm 2019

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Nhóm cây: Cây ăn quả													
Cây có múi	Bệnh sẹo (ghẻ nám)	tăng trưởng	5 - 10		7	0	0	7	0	-2.0	2.0	0	Châu Thành
	Nhện nhỏ	tăng trưởng	5 - 10		6	0	0	6	0	-7.0	6.0	6	Lai Vung
	Bệnh loét	tăng trưởng	5 - 10		4	0	0	4	0	1.0	4.0	4	Lai Vung
Dừa	Bọ cánh cứng	tăng trưởng	10 - 40		17	3	0	20	0	0.0	20.0	0	Châu Thành
Nhãn	Chối rồng nhãn	tăng trưởng	5 - 40		333	72	0	405	0	0.0	105.0	2	Châu Thành, Cao Lãnh
	Bệnh sưng mai (thối trái)	tăng trưởng	3 - 5		15	0	0	15	0	-3.0	15.0	0	Châu Thành
Xoài	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		3	0	0	3	0	0.0	3.0	3	Tp. Sa Đéc
	Rầy bông xoài	tăng trưởng	5 - 7		2,5	0	0	2,5	0	0.0	2.5	0	Tp. Sa Đéc
Nhóm cây: Hoa và cây cảnh													
Hoa cúc	Bệnh héo xanh vi khuẩn	tăng trưởng	5 - 10		0,3	0	0	0,3	0	0.0	0.3	0,3	Tp. Sa Đéc
Hoa hồng	Bọ trĩ	tăng trưởng	5 - 10		2,4	0	0	2,4	0	0.0	2.4	2,4	Tp. Sa Đéc
	Nhện đỏ	tăng trưởng	5 - 10		0,5	0	0	0,5	0	0.0	0.5	0,5	Tp. Sa Đéc
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	ĐN	5 - 10		300	0	0	300	0	100.0	-475.0	0	Cao Lãnh

	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	TC	15 - 30	41 - 50	200	50	20	270	0	120.0	270.0	500	Tân Hồng
	Bệnh đen lép hạt (lem lép)	TC	5	10	200	0	0	200	0	200.0	160.0	500	Tân Hồng
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ	5 - 15	15	128	0	0	128	0	128.0	128.0	0	Thanh Bình, Tp. Sa Đéc
	Sâu cuốn lá nhỏ	LĐ	10 - 20	30 - 40	50	10	0	60	0	30.0	-30.0	120	Tân Hồng
	Chuột	Mạ-ĐN	10		2	0	0	2	0	- 154.0	2.0	0	Tp. Cao Lãnh
Nhóm cây: Rau màu													
Bầu bí	Bọ trĩ	sinh trưởng	5 - 10		0,5	0	0	0,5	0	0.2	0.0	0,5	Tp. Sa Đéc